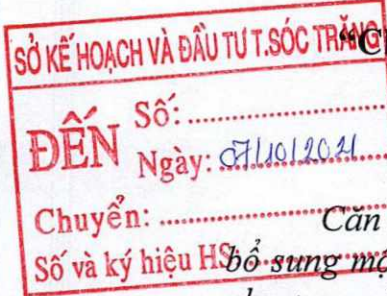


QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch tổng thể dự án

“Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững (VnSAT)” tỉnh Sóc Trăng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG



Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 1918/QĐ-CTN ngày 05/11/2020 của Chủ tịch nước về việc sửa đổi và gia hạn thời gian giải ngân Hiệp định tài trợ cho Dự án “Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững”;

Căn cứ Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tại Việt Nam” vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 1992/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam”, vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB);

Căn cứ Quyết định số 2470/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1992/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/5/2015 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSAT);

Theo Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch tổng thể dự án “Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững (VnSAT)” tỉnh Sóc Trăng;

Theo Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục Tiểu dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2022 thuộc dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững (VnSAT) tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 188/TTr-SNN ngày 17/9/2021).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch tổng thể dự án “Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững (VnSAT)” tỉnh Sóc Trăng, đã được phê duyệt tại

Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Bổ sung, điều chỉnh điểm 2 khoản A Mục I (Cơ sở hạ tầng công trong thời gian gia hạn) Phụ lục I kèm theo Quyết định số 602/QĐ-UBND:

Tổng kinh phí là 111.068 triệu đồng (vốn IDA 86.842 triệu đồng; vốn đối ứng ngân sách tỉnh 24.226 triệu đồng); trong đó:

- Bổ sung danh mục Tiểu dự án 12: Nâng cấp công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Trinh Phú, huyện Kế Sách, với tổng kinh phí thực hiện 6.608 triệu đồng (vốn IDA 5.038 triệu đồng; vốn đối ứng ngân sách tỉnh 1.570 triệu đồng).

- Điều chỉnh tổng mức đầu tư 11 Tiểu dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2022, với tổng kinh phí thực hiện 104.460 triệu đồng (vốn IDA 81.804 triệu đồng; vốn đối ứng ngân sách tỉnh 22.656 triệu đồng).

2. Điều chỉnh Mục III (Dự phòng) Phụ lục I kèm theo Quyết định số 602/QĐ-UBND:

Điều chỉnh vốn dự phòng sang Tiểu dự án 12: Nâng cấp công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Trinh Phú, huyện Kế Sách là 1.228 triệu đồng (vốn IDA 442 triệu đồng; vốn đối ứng ngân sách tỉnh 786 triệu đồng).

(Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo Ban Quản lý dự án “Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững (VnSAT)”, tỉnh Sóc Trăng tổ chức triển khai theo mục tiêu, tiến độ, chất lượng, đảm bảo theo đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý vốn vay ODA, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn và trình cấp thẩm quyền theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước và Ban Quản lý dự án “Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững (VnSAT)”, tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- BQL các DA NN;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Nam



Phụ lục

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG KẾ HOẠCH TỔNG THỂ
DỰ ÁN “CHUYỂN ĐỔI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG (VNSAT)” TỈNH SÓC TRĂNG**

(Kèm theo Quyết định số: 2631/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư theo Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh				Tổng mức đầu tư bổ sung, điều chỉnh			
		Tổng	Ngân sách tỉnh	IDA	Tư nhân	Tổng	Ngân sách tỉnh	IDA	Tư nhân
I	Chi phí đầu tư	266.284	62.807	193.887	9.590	267.512	63.593	194.329	9.590
A	Công trình xây lắp	207.603	35.758	166.566	5.279	208.831	36.544	167.008	5.279
	Tiểu hợp phần B1	207.603	35.758	166.566	5.279	208.831	36.544	167.008	5.279
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các Hợp tác xã	93.771	11.957	76.535	5.279	93.771	11.957	76.535	5.279
2	Cơ sở hạ tầng công trong thời gian gia hạn	109.840	23.440	86.400	-	111.068	24.226	86.842	-
2.1	Tiểu dự án 1: Nâng cấp công trình giao thông phục vụ phát triển sản xuất lúa trên địa bàn xã Kế Thành, huyện Kế Sách	14.999	2.952	12.047	-	14.915	2.872	12.043	-
2.2	Tiểu dự án 2: Nâng cấp công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Thới An Hội, huyện Kế Sách	10.119	2.292	7.827	-	10.119	2.292	7.827	-
2.3	Tiểu dự án 3: Đầu tư công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên	14.996	2.925	12.071	-	14.362	2.916	11.446	-
2.4	Tiểu dự án 4: Nâng cấp công trình giao thông tuyến Trà Bét - SoLa 1 phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên	14.990	2.934	12.056	-	14.574	2.931	11.643	-
2.5	Tiểu dự án 5: Nâng cấp công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú	10.047	2.275	7.772	-	9.426	2.222	7.204	-
2.6	Tiểu dự án 6: Đầu tư công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Trinh Phú, huyện Kế Sách	6.402	1.477	4.925	-	6.397	1.476	4.921	-

2.7	<u>Tiêu dự án 7: Nâng cấp công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Đại Hải, huyện Kế Sách</u>	6.576	1.410	5.166	-	6.094	1.410	4.684	-
2.8	<u>Tiêu dự án 8: Nâng cấp công trình giao thông tuyến Tắc Gông - SoLa 2 phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên</u>	11.218	2.398	8.820	-	9.260	2.144	7.116	-
2.9	<u>Tiêu dự án 9: Đầu tư công trình giao thông và thủy lợi phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Phú Tân, huyện Châu Thành</u>	7.133	1.636	5.497	-	6.150	1.357	4.793	-
2.10	<u>Tiêu dự án 10: Nâng cấp công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Lâm Kiệt, huyện Thạnh Trị</u>	6.459	1.616	4.843	-	6.319	1.511	4.808	-
2.11	<u>Tiêu dự án 11: Nâng cấp công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Lâm Tân, huyện Thạnh Trị</u>	6.901	1.525	5.376	-	6.844	1.525	5.319	-
2.12	<u>Tiêu dự án 12: Nâng cấp công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Trinh Phú, huyện Kế Sách</u>				-	6.608	1.570	5.038	-
3	Hỗ trợ tình	3.992	361	3.631	-	3.992	361	3.631	-
B	Chi phí hoạt động	1.275	300	975		1.275	300	975	
C	Hàng hóa và thiết bị	12.861	19	10.832	2.010	12.861	19	10.832	2.010
D	Đào tạo và Hội thảo	3.823	1.980	1.843	-	3.823	1.980	1.843	-
E	Hội thảo đầu bờ	27.098	19.200	7.898	-	27.098	19.200	7.898	-
F	Điểm trình diễn	9.002	4.800	1.901	2.301	9.002	4.800	1.901	2.301
G	Vốn đối ứng	750	750	-	-	750	750	-	-
H	Dịch vụ tư vấn	3.872	-	3.872	-	3.872	-	3.872	-
II	Hoạt động thường xuyên	21.307	16.571	4.736	-	21.307	16.571	4.736	-
III	Dự phòng	44.000	7.587	442	35.971	42.772	6.801	-	35.971
	Tổng (I + II +III)	331.591	86.965	199.065	45.561	331.591	86.965	199.065	45.561